

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE VÀ GIÁM SÁT
GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUẢNG NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NÂNG HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE Ồ TÔ
HẠNG C LÊN D
(Chương trình 2)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

(Ban hành theo Quyết định số 501/QĐ-TTSH ngày 17 tháng 5 năm 2024
của Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông
vận tải đường bộ Quảng Ninh)

Quảng Ninh, năm 2024

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI VÀ
GIÁM SÁT GIAO THÔNG VẬN TẢI
ĐƯỜNG BỘ QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG
GIẤY PHÉP LÁI XE HẠNG C LÊN D
(Chương trình 2)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 501/QĐ-TTSH ngày 17 tháng 5 năm 2024
của Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông
vận tải đường bộ Quảng Ninh)*

I. TÊN NGHỀ, TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO

- Tên nghề: Nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng C lên D**
- Trình độ đào tạo: Đào tạo thường xuyên**

II. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Đào tạo trực tiếp kết hợp với đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

III. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, YÊU CẦU ĐẦU VÀO

Học viên đủ tuổi theo quy định, có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên, đủ sức khỏe theo quy định.

III. MÔ TẢ VỀ KHÓA HỌC VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mô tả về khóa học:

- Thời gian đào tạo cho 01 học viên: 18 ngày
- Số lượng môn học, mô đun: 03
- Văn bằng cấp sau khi kết thúc khóa học: Chứng chỉ đào tạo

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Kiến thức

- Nắm chắc các quy định của pháp luật giao thông đường bộ và hệ thống biển báo hiệu đường bộ Việt Nam;
- Nắm được đặc điểm kết cấu của xe ô tô hạng D; những kiến thức, công nghệ mới được sử dụng trên xe chở người; các thông số, yêu cầu kỹ thuật của các hệ thống, chi tiết, cụm chi tiết; quy trình kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên, chế độ bảo dưỡng định kỳ;
- Nắm được trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người lái xe; các thủ tục, phương thức giao nhận, chuyên chở hàng hoá, phục vụ hành khách trong

quá trình vận tải.

- Thông hiểu yêu cầu về đạo đức, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia, phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu, cứu nạn và cứu hộ khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

2.2. Kỹ năng

- Điều khiển được xe chở người hạng D và các phương tiện ghi trong giấy phép lái xe tham gia giao thông đảm bảo an toàn trên các loại địa hình, trong các loại thời tiết khác nhau, xử lý các tình huống để phòng tránh tai nạn giao thông;

- Chuẩn đoán, kiểm tra điều chỉnh và sửa chữa được các hỏng hóc thường gặp của ô tô trong quá trình điều khiển.

- Có kỹ năng phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu, cứu nạn và cứu hộ đối với phương tiện và hàng khách trên xe khi tham gia giao thông.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có thái độ tích cực, thể hiện trách nhiệm và tự giác chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ.

- Có trách nhiệm với bản thân, hành khách, xã hội về việc tuân thủ chấp hành đạo đức, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia; phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông.

IV. THỜI GIAN KHÓA HỌC

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học cho 01 học viên

- Thời gian đào tạo: 18 ngày;

- Số giờ đào tạo: 91 giờ trong đó:

+ Số giờ thực học: 66 giờ (08 ngày)

- Thời gian ôn, kiểm tra đầu khóa, kết thúc mô đun: 03 ngày; Số giờ ôn, kiểm tra: 25 giờ

- Thời gian nghỉ lễ, khai giảng bế giảng: 07 ngày

2. Phân bổ thời gian thực học:

- Thời gian thực học: 66 giờ:

+ Thời gian học lý thuyết: 05 giờ;

+ Thời gian học thực hành: 17 giờ

+ Thời gian tự học có hướng dẫn: 44 giờ

V. DANH MỤC SỐ LƯỢNG, THỜI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

| Mã | Tên môn học, mô đun | Thời gian đào tạo (giờ) | | | | |
|-------------|--|-------------------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| MH01 | Kiến thức nghề lái xe ô tô | 48 | 3 | 1 | 44 | |
| 1 | Pháp luật giao thông đường bộ | 16 | | | 16 | |
| 2 | Nghệ vụ vận tải | 8 | | | 8 | |
| 3 | Đạo đức văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông | 10 | | | 10 | |
| 4 | Mô phỏng các tình huống giao thông | 2 | | | 2 | |
| 5 | Kiến thức mới về xe nâng hạng | 8 | | | 8 | |
| 6 | Kỹ năng PCCC và cứu nạn cứu hộ | 4 | 3 | 1 | | |
| MĐ01 | Tập lái xe trên sân tập lái và Cabin điện tử | 8 | 1 | 7 | | |
| MĐ02 | Tập lái xe trên đường giao thông | 10 | 1 | 9 | | |
| | Kiểm tra đầu khóa | 1 | | | | 1 |
| | Ôn và kiểm tra kết thúc môn học, mô đun | 24 | | 16 | | 8 |
| | Tổng cộng | 91 | 5 | 33 | 44 | 9 |

VI. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, CÁC KỸ NĂNG CẦN THIẾT KHÁC**1. Khối lượng kiến thức**

- Kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông;

- Các kiến thức mới về xe khách: cấu tạo cơ bản về xe khách, nguyên lý làm việc của các cụm, các hệ thống, thiết bị được trang bị trên xe ô tô hạng D, làm quen một số đặc điểm kết cấu, công nghệ trên xe ô tô hiện đại; Chuẩn đoán, bảo dưỡng, sửa chữa một số hư hỏng thường gặp.

- Các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ vận tải bằng xe ô tô: một số nội dung

cần lưu ý khi điều khiển phương tiện để đảm bảo an toàn giao thông. Các quy định của pháp luật về vận tải đường bộ, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp. Các kiến thức để áp dụng được vào thực tế các nội dung, nhiệm vụ của người lái xe trong Quy trình đảm bảo an toàn giao thông; xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu thông thường xảy ra đối với hành khách khi đang lưu thông trên đường.

- Kiến thức cơ bản về đạo đức nghề nghiệp của người lái xe, phòng, chống tác hại của rượu, bia, phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông.

2. Kỹ năng

Điều khiển được xe ô tô hạng D đảm bảo an toàn, hiệu quả, chấp hành đúng quy định của Luật giao thông đường bộ và các quy định nghề nghiệp khác.

VII. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe hạng C lên D được thực hiện theo quy trình khép kín từ khâu tuyển sinh đến cấp chứng chỉ đào tạo. Thực hiện chi tiết cụ thể theo quy trình đào tạo sau:

1. Quy trình đào tạo:

Bước 1: Khảo sát nhu cầu đào tạo, lập Kế hoạch tuyển sinh.

- Căn cứ vào giấy phép đào tạo lái xe ô tô đã được cấp, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, đội ngũ giáo viên hiện có Trung tâm tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo thực tế của người học, lập kế hoạch tuyển sinh.

Bước 2: Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh.

- Tổ chức tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng; tại các văn phòng tuyển sinh trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng tuyển sinh đào tạo đúng quy định.

Bước 3: Thành lập lớp:

- Căn cứ kết quả tuyển sinh, xét duyệt danh sách học sinh đủ điều kiện học nâng hạng giấy phép lái xe hạng C lên D đảm bảo đúng đối tượng ;

- Thành lập các lớp đào tạo trình độ đào tạo với số lượng đúng quy định

Bước 4: Xây dựng Kế hoạch đào tạo, gồm:

Căn cứ vào quyết định mở lớp, triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo chi tiết cho lớp học; xây dựng kế hoạch giáo viên giảng dạy đúng theo quy định tại thông tư số 43/2015/TT-BLĐTĐBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015; thông tư 34/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/12/2018; thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Bước 5: Phân công giáo viên giảng dạy

- a) Có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt;
- b) Có đủ sức khoẻ theo quy định;
- c) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên;
- d) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trừ trường hợp đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học sư phạm; cao đẳng, đại học sư phạm kỹ thuật.
- e) Có giấy chứng nhận dạy giáo viên dạy thực hành lái xe từ hạng D trở lên

Bước 6: Kế hoạch kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Chuẩn bị phòng máy tính, phương tiện, sân sát hạch phục vụ kiểm tra kết thúc các môn học, mô đun.

Bước 7: Công nhận tốt nghiệp và cấp phát chứng chỉ đào tạo

- Căn cứ vào kết quả kiểm tra đầu khóa, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun. Giám đốc Trung tâm quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ đào tạo cho những học viên đủ điều kiện.

- Phòng Đào tạo thực hiện công việc sao lưu sổ sách theo mẫu quy định tại thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015; thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện tốt nghiệp:

Người học được công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tất cả các điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô đun đạt yêu cầu.
- b) Không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm xét công nhận tốt nghiệp.

Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được Giám đốc Trung tâm tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

VIII. PHƯƠNG PHÁP VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp đánh giá: Đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo cách thức chấm điểm kiểm tra đầu khóa và kiểm tra kết thúc từng môn học, mô đun. Hình thức kiểm tra: Viết; Vấn đáp; Trắc nghiệm trên máy tính; Thực hành lái xe ô tô.

2. Thang điểm đánh giá: Thang điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh được quy đổi theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số, với hai mức độ: đạt và không đạt (Đạt: từ 5,0 điểm trở lên; Không đạt: dưới 5,0 điểm).

IX. YÊU CẦU VỀ DANH MỤC THIẾT BỊ VÀ GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY TỪNG MÔN HỌC, MÔ-ĐUN

1. Yêu cầu về danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cho từng mô đun

1. Yêu cầu về học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1.1. Giáo trình: bao gồm các file giáo trình do Trung tâm Sát hạch lái xe và giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn: Pháp luật giao thông đường bộ; Nghiệp vụ vận tải; Đạo đức văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu bia khi tham gia giao thông; Mô phỏng các tình huống giao thông; Kiến thức mới về xe nâng hạng.

1.2. Hệ thống câu hỏi, phần mềm ôn luyện: 600 câu hỏi ôn luyện luật giao thông đường bộ, 120 tình huống ôn luyện mô phỏng các tình huống giao thông.

2. Yêu cầu về danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cho từng môn học, mô đun

2.1. Hệ thống phòng học chuyên môn (04 phòng)

- Phòng học lý thuyết (02 phòng): Có các trang thiết bị làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về các nội dung kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Phòng học Kỹ thuật ô tô (02 phòng): Có xe ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng (bố trí ở nơi riêng biệt); có thiết bị mô phỏng (ca bin điện tử) để đào tạo lái xe;

2.2. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

2.2.1. Hệ thống quản lý học tập:

(1) Công thông tin:

- Truy cập vào trang Web của trung tâm <https://daotaosathachlaxequangninh.com>. Công bố, giới thiệu các nội dung về chương trình đào tạo; thông tin tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh.

- Truy cập hệ thống đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn đối với các môn học lý thuyết theo quy định với tên miền: <https://hoclythuyet.daotaosathachlaxequangninh.com.vn> để người học truy cập vào các tự học với sự hướng dẫn, tự đánh giá, nắm bắt tiến trình, kết quả học tập của bản thân với sự hướng dẫn của giáo viên; Giáo viên quản lý học liệu đào tạo từ xa, thiết lập quy luật học, trả bài, kiểm tra, theo dõi, tương tác, trợ giúp hướng dẫn người học, xác thực và kiểm soát quá trình học của học viên;

(2) Ứng dụng trên các thiết bị di động: Đáp ứng đa nền tảng, chạy trên Website, App của máy tính và các thiết bị di động.

(3) Phòng học room: Hướng dẫn trực tuyến, giáo viên trao đổi với học viên, học viên trao đổi với học viên trong đào tạo tự học có hướng dẫn.

2.2.2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

(1) Hệ thống máy chủ: Sử dụng dịch vụ AWS Cloud

- Hạ tầng cơ sở đảm bảo (Backup)
- + Sao lưu đầy đủ (Full Backup): Sao lưu toàn bộ dữ liệu mỗi ngày một lần 01:00 hàng ngày.
- + Sao lưu khác biệt (Differential Backup): Sao lưu những thay đổi kể từ lần sao lưu đầy đủ cuối cùng 30 phút/lần
- + Lưu trữ tại AWS Cloud nhưng ở một vùng máy chủ khác tại Việt Nam để đảm bảo luôn có một hệ thống đảm bảo trong trường hợp hệ thống chính có vấn đề kỹ thuật.

(2) Hệ thống đường truyền: Hệ thống tự điều hướng người dùng đến máy chủ gần nhất để đảm bảo tín hiệu trường truyền tốt nhất.

2.3. Hệ thống sân tập lái (02 sân)

- Sân tập lái xe ô tô có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo; kích thước các hình tập lái phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đối với từng hạng xe tương ứng;

- Mặt sân có cao độ và hệ thống thoát nước bảo đảm không bị ngập nước; bề mặt các làn đường và hình tập lái được thảm nhựa hoặc, có đủ vạch sơn kẻ đường; hình các bài tập lái xe ô tô phải được bó vỉa;

- Có nhà chờ, có ghế ngồi cho học viên học thực hành;

- Diện tích của 02 sân tập lái: là 30.000 m².

2.4. Hệ thống đường giao thông học thực hành lái xe:

Bao gồm các tuyến đường trong tỉnh có đủ các loại đường: đường cao tốc; đường trung du đồi núi; đường phức tạp theo giấy phép xe tập lái được Sở Giao thông vận tải Quảng Ninh cấp.

2.5. Xe tập lái (03 xe hạng D)

- Xe được cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; đã được cải hoán thành xe tập lái (lắp đặt phanh phụ).

- Xe đã được lắp thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực lái xe trên đường của người học (DAT).

- Xe đã được Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép xe tập lái

3. Yêu cầu tối thiểu về giáo viên giảng dạy cho từng môn học, mô-đun. Cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý hệ thống dạy học từ xa, tự học có hướng dẫn.

3.1. Đối với giáo viên dạy lý thuyết

Giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô

tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30% trở; Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

3.2. Đối với giáo viên dạy thực hành

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.
- Giáo viên dạy lái xe ô tô phải có giấy phép lái xe hạng D trở lên.
- Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành và được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng D trở lên theo quy định.

3.3. Cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý hệ thống dạy học từ xa, tự học có hướng dẫn.

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Là cán bộ, nhân viên thuộc Phòng đào tạo Trung tâm.

X. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Hướng dẫn sử dụng các môn học, mô đun đào tạo; thời gian, phân bố thời gian cho các môn học, mô-đun.

1.1. Sử dụng các môn học, mô-đun đào tạo

- Phạm vi áp dụng: Các môn học, mô-đun đào tạo là các môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc trong chương trình đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng C lên D.

- Một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học, mô-đun đào tạo:

+ Trước khi giảng dạy, giáo viên cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Khi hướng dẫn các thao tác kỹ thuật, giáo viên phải vận dụng kiến thức có liên quan để phân tích, giải thích đồng thời các thao tác phải chính xác, dứt khoát và rõ ràng;

+ Khi học viên thực hành các thao tác kỹ thuật, giáo viên phải chú ý quan sát để kịp thời uốn nắn các thao tác chưa đúng của học viên, đảm bảo tuyệt đối an toàn;

+ Sau mỗi bài giảng cần giao bài tập cho từng học viên hay nhóm học viên để giúp học viên nắm vững các kiến thức thiết yếu thông qua kiểm tra đánh giá kết quả;

+ Tăng cường sử dụng tối đa, thiết bị, đồ dùng giảng dạy, phương tiện tập lái và sân tập lái để đạt hiệu quả giảng dạy.

1.2. Thời gian, phân bố thời gian từng mô-đun: có trong chi tiết kèm theo.

2. Kiểm tra, xét cấp chứng chỉ đào tạo

2.1. Kiểm tra đầu khóa học

Khi bắt đầu khóa học, giáo viên dạy lý thuyết thực hiện kiểm tra, đánh giá về kiến thức, kỹ năng mềm và kỹ năng nghề đối với học viên để chuẩn bị nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp. Nội dung, phương pháp kiểm tra do giáo viên trực tiếp giảng dạy lựa chọn, quyết định

2.2. Kiểm tra kết thúc mô-đun

2.2.1. Kiểm tra kết thúc mô-đun

Điều kiện dự kiểm tra kết thúc mô-đun:

Người học phải tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành lái xe trong sân tập lái, 50% giờ thực hành lái xe trên đường và 100% số km học thực hành lái xe trên đường theo quy định.

2.2.2. Kế hoạch kiểm tra kết thúc mô-đun:

Do phòng đào tạo xây dựng trên cơ sở kế hoạch đào tạo của khoá học và phải được thông báo cho người học biết.

2.2.3. Thời gian và hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun

a) Kiểm tra tất cả các mô-đun trong quá trình học

b) Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra khi kết thúc môn học MH01: trên phần mềm theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ; kiến thức mới về xe nâng hạng; nghiệp vụ vận tải; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia và phòng chống cháy nổ, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông) và kiểm tra phần mềm mô phỏng tình huống giao thông trên máy tính.

- Kiểm tra kết thúc mô-đun MĐ01: Thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn trong hình và tiến lùi chữ chi.

- Kiểm tra kết thúc mô-đun MĐ02: Thực hành lái xe trên đường.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tú

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
KIẾN THỨC NGHỀ LÁI XE Ô TÔ
(Kèm theo chương trình đào tạo nâng hạng
giấy phép lái xe hạng C lên D – Chương trình 2)

Mã số môn học: MH01

Thời gian môn học: 48 giờ (Lý thuyết: 03 giờ; Thực hành: 01 giờ; Tự học có hướng dẫn: 44 giờ).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC

Là môn học chuyên môn nghề. Nhằm trang bị cho học viên các quy định của pháp luật giao thông đường bộ và hệ thống biển báo hiệu đường bộ Việt Nam; Hiểu được cấu tạo cơ bản và các hệ thống trên xe ô tô; Nắm được đạo đức nghề nghiệp của người lái xe, trách nhiệm của người sử dụng lao động trong kinh doanh vận tải. Có kiến thức cơ bản về pháp luật của Nhà nước và những phẩm chất đạo đức cơ cũng như văn hóa ứng xử giúp đỡ khi tham gia giao thông. Nắm được các kiến thức cơ bản về phòng chống cháy nổ sơ cấp cứu và cứu nạn, cứu hộ. Kỹ năng phát hiện và xử lý các tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu được các quy định của pháp luật giao thông đường bộ và hệ thống biển báo hiệu đường bộ Việt Nam.

- Quy định của pháp luật về vận tải đường bộ; Nhiệm vụ của người lái xe trong quy trình đảm bảo an toàn giao thông; xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu thông thường xảy ra đối với hành khách khi đang lưu thông trên đường.

- Nắm được đạo đức nghề nghiệp của người lái xe, trách nhiệm của người sử dụng lao động trong kinh doanh vận tải. Có kiến thức về văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu bia khi tham gia giao thông, các kiến thức cơ bản về sơ, cấp cứu. Nắm được các kiến thức cơ bản về an toàn trong phòng cháy, chữa cháy. Nắm được các kiến thức cơ bản về phòng chống cháy nổ sơ cấp cứu và cứu nạn, cứu hộ.

- Kiến thức mới về xe nâng hạng: Hiểu được cấu tạo cơ bản của xe ô tô khách hạng D; Động cơ ô tô, một số hệ thống trên xe ô tô: hệ thống lái, hệ thống phanh trên xe hiện đại, hệ thống an toàn chủ động trên xe ô tô và quy trình bảo dưỡng ô tô.

- Nhận biết 120 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thường gặp khi tham gia giao thông ở các điều kiện giao thông khác nhau.

2. Kỹ năng

- Biết vận dụng các quy định của pháp luật giao thông đường bộ và hệ thống biển báo hiệu đường bộ Việt Nam vào thực tế khi tham gia giao thông;

Kỹ năng cơ bản về sơ cấp cứu, kỹ năng ứng phó khi gặp các trường hợp cháy nổ trong quá trình điều khiển vận hành phương tiện.

- Thực hiện thuần thục các thủ tục, phương thức giao nhận, chuyên chở hàng hoá, phục vụ hành khách vào quá trình vận tải.

- Nhận biết và xác định các tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Nâng cao ý thức trách nhiệm của người lái xe trong việc tự giác chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ và kỹ năng phòng chống cháy nổ khi điều khiển phương tiện.

III. NỘI DUNG VÀ PHÂN PHỐI THỜI GIAN

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|-------------|--|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| MH01 | Kiến thức nghề lái xe | 48 | 03 | 01 | 44 | - |
| | Chương 1: Pháp luật giao thông đường bộ | 16 | - | - | 16 | - |
| I | <i>Luật Giao thông đường bộ</i> | 4 | - | - | 4 | - |
| A | Đọc và tìm hiểu giáo trình | 1,5 | - | - | 1,5 | - |
| <i>1</i> | <i>Những quy định chung</i> | | | | | |
| 1.1 | Phạm vi điều chỉnh | | | | | |
| 1.2 | Đối tượng áp dụng | | | | | |
| 1.3 | Giải thích từ ngữ | | | | | |
| 1.4 | Nguyên tắc hoạt động giao thông đường bộ | | | | | |
| 1.5 | Các hành vi bị nghiêm cấm | | | | | |
| <i>2</i> | <i>Quy tắc giao thông đường bộ</i> | | | | | |
| 2.1 | Quy tắc chung. | | | | | |
| 2.2 | Hệ thống báo hiệu đường bộ. | | | | | |
| 2.3 | Chấp hành báo hiệu đường bộ. | | | | | |
| 2.4 | Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe. | | | | | |
| 2.5 | Sử dụng làn đường | | | | | |
| 2.6 | Vượt xe | | | | | |
| 2.7 | Chuyển hướng xe | | | | | |
| 2.8 | Lùi xe | | | | | |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|------|--|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| 2.9 | Tránh xe đi ngược chiều | | | | | |
| 2.10 | Dừng xe, đỗ xe trên đường bộ | | | | | |
| 2.11 | Dừng xe, đỗ xe trên đường phố | | | | | |
| 2.12 | Xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ | | | | | |
| 2.13 | Chở người trên xe ô tô chở hàng | | | | | |
| 2.14 | Quyền ưu tiên của một số xe | | | | | |
| 2.15 | Qua phà, qua cầu phao | | | | | |
| 2.16 | Nhường đường tại nơi giao nhau | | | | | |
| 2.17 | Đi trên đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, cầu đường bộ đi chung với đường sắt | | | | | |
| 2.18 | Giao thông trên đường cao tốc | | | | | |
| 2.19 | Giao thông trong hầm đường bộ | | | | | |
| 2.20 | Tải trọng và khổ giới hạn đường bộ | | | | | |
| 2.21 | Xe kéo xe và xe kéo rơ moóc | | | | | |
| 2.22 | Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi xảy ra tai nạn giao thông | | | | | |
| 2.23 | Trách nhiệm bảo vệ công trình giao thông đường bộ | | | | | |
| 3 | <i>Xe ô tô tham gia giao thông đường bộ</i> | | | | | |
| 3.1 | Điều kiện tham gia giao thông của xe ô tô | | | | | |
| 3.2 | Điều kiện tham gia giao thông của xe ô tô tập lái | | | | | |
| 3.3 | Cấp, thu hồi đăng ký và biển số xe ô tô | | | | | |
| 3.4 | Bảo đảm quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ | | | | | |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|-----------|--|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| 4 | <i>Người lái xe ô tô tham gia giao thông đường bộ</i> | | | | | |
| 4.1 | Điều kiện của người lái xe ô tô tham gia giao thông đường bộ | | | | | |
| 4.2 | Giấy phép lái xe ô tô | | | | | |
| 4.3 | Tuổi, sức khỏe của người lái xe ô tô | | | | | |
| 4.4 | Đào tạo lái xe, sát hạch để cấp giấy phép lái xe | | | | | |
| B | Ôn luyện câu hỏi ôn tập | 1 | - | - | 1 | - |
| C | Hướng dẫn trao đổi | 0,5 | - | - | 0,5 | - |
| | Kiểm tra điều kiện | 1 | - | - | 1 | - |
| II | Hệ thống báo hiệu đường bộ | 7 | | | 7 | |
| A | Đọc và tìm hiểu giáo trình | 4,5 | - | - | 4,5 | - |
| 1 | <i>Quy định chung</i> | | | | | |
| 2 | <i>Hiệu lệnh điều khiển giao thông</i> | | | | | |
| 3 | <i>Biển báo hiệu</i> | | | | | |
| 3.1 | Biển báo cấm | | | | | |
| 3.2 | Biển báo nguy hiểm và cảnh báo | | | | | |
| 3.3 | Biển hiệu lệnh | | | | | |
| 3.4 | Biển chỉ dẫn | | | | | |
| 3.5 | Biển phụ | | | | | |
| 3.6 | Biển chỉ dẫn trên đường cao tốc | | | | | |
| 3.7 | Biển phụ, biển viết bằng chữ | | | | | |
| 4 | <i>Các báo hiệu đường bộ khác</i> | | | | | |
| 4.1 | Vạch kẻ đường | | | | | |
| 4.2 | Cọc tiêu, tường bảo vệ và hàng rào chắn | | | | | |
| 4.3 | Cột kilômét | | | | | |
| 4.4 | Mốc lộ giới | | | | | |
| 4.5 | Giương cầu lồi và dải phân cách tôn sóng | | | | | |
| 4.6 | Báo hiệu trên đường cao tốc | | | | | |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|------------|---|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| 4.7 | Báo hiệu cấm đi lại | | | | | |
| 4.8 | Báo hiệu tuyến đường bộ đối ngoại | | | | | |
| B | Ôn luyện câu hỏi ôn tập | 1 | - | - | 1 | - |
| C | Hướng dẫn trao đổi | 0,5 | - | - | 0,5 | - |
| | Kiểm tra điều kiện | 1 | - | - | 1 | - |
| III | Xử lý các tình huống giao thông | 3 | | | 3 | |
| A | Đọc và tìm hiểu giáo trình | 0,5 | - | - | 0,5 | - |
| <i>1</i> | <i>Các đặc điểm của sa hình</i> | | | | | |
| 1.1 | Đặc điểm của đường xá | | | | | |
| 1.2 | Đặc điểm của xe | | | | | |
| 1.3 | Vị trí của xe trên sa hình | | | | | |
| 1.4 | Hướng đi của xe | | | | | |
| 1.5 | Các loại báo hiệu đường bộ trên sa hình | | | | | |
| <i>2</i> | <i>Các nguyên tắc đi sa hình</i> | | | | | |
| 2.1 | Xe có đường riêng | | | | | |
| 2.2 | Quyền bình đẳng xe vào nơi giao nhau | | | | | |
| 2.3 | Xe ưu tiên theo luật giao thông đường bộ | | | | | |
| 2.4 | Xe ở trên đường ưu tiên | | | | | |
| 2.5 | Xe có quyền ưu tiên bên phải | | | | | |
| 2.6 | Quyền ưu tiên xe đi cùng đoàn cùng hướng | | | | | |
| 2.7 | Xe phải nhường đường khi rẽ trái | | | | | |
| <i>3</i> | <i>Vận dụng các tình huống giao thông trên sa hình.</i> | | | | | |
| 3.1 | Nơi đường giao nhau có nhiều loại xe | | | | | |
| 3.2 | Trên đường dốc, đường vòng | | | | | |
| 3.3 | Nơi có nhiều biển báo | | | | | |
| 3.4 | Nơi có người điều khiển giao thông | | | | | |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|-----------------|---|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| 3.5 | Nơi có đèn tín hiệu điều khiển giao thông theo làn đường và hướng chuyển động | | | | | |
| 3.6 | Nơi có biển chỉ dẫn hướng đi trên mỗi làn đường | | | | | |
| 3.7 | Nơi có vạch kẻ đường phân làn đường | | | | | |
| B | Ôn luyện câu hỏi ôn tập | 1 | - | - | 1 | - |
| C | Hướng dẫn trao đổi | 0,5 | - | - | 0,5 | - |
| | Kiểm tra điều kiện | 1 | - | - | 1 | - |
| Chương 2 | Nghị vụ vận tải | 8 | | | 8 | |
| A | Đọc và tìm hiểu giáo trình | 4 | - | - | 4 | - |
| <i>1</i> | <i>Khái niệm chung về vận tải ô tô, quản lý vận tải, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật</i> | | | | | |
| 1.1 | Vị trí của vận tải bằng xe ô tô trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng | | | | | |
| 1.2 | Phân loại xe ô tô theo mục đích sử dụng | | | | | |
| 1.3 | Nội dung quản lý Nhà nước đối với hoạt động vận tải bằng xe ô tô | | | | | |
| <i>2</i> | <i>Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô</i> | | | | | |
| 2.1 | Vận tải hàng hóa | | | | | |
| 2.2 | Vận tải hành khách | | | | | |
| <i>3</i> | <i>Trách nhiệm của người lái xe</i> | | | | | |
| 3.1 | Công tác chuẩn bị | | | | | |
| 3.2 | Thực hiện nhiệm vụ vận tải | | | | | |
| 3.3 | Kết thúc quá trình làm việc | | | | | |
| <i>4</i> | <i>Trách nhiệm của người kinh doanh vận tải</i> | | | | | |
| 4.1 | Quyền và nghĩa vụ của người kinh doanh vận tải | | | | | |
| 4.2 | Quyền và nghĩa vụ của người thuê vận tải hàng hóa | | | | | |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|----------|---|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| B | Ôn luyện câu hỏi ôn tập | 2 | - | - | 2 | - |
| C | Hướng dẫn trao đổi | 1 | - | - | 1 | - |
| | Kiểm tra điều kiện | 1 | - | - | 1 | - |
| Chương 3 | Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông; Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ | 14 | - | - | 14 | - |
| | Phần 1: Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông. | 10 | - | - | 10 | - |
| A | Đọc và tìm hiểu giáo trình | 6 | - | - | 6 | - |
| 1 | <i>Những vấn đề cơ bản về phẩm chất đạo đức trong giai đoạn hiện nay</i> | | | | | |
| 1.1 | Đạo đức và vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội | | | | | |
| 1.2 | Phẩm chất đạo đức trong giai đoạn hiện nay | | | | | |
| 2 | <i>Đạo đức nghề nghiệp của người lái xe</i> | | | | | |
| 2.1 | Đặc điểm hoạt động lái xe ô tô | | | | | |
| 2.2 | Đạo đức nghề nghiệp của người lái xe ô tô | | | | | |
| 3 | <i>Trách nhiệm, quyền hạn của người sử dụng lao động, của lái xe trong kinh doanh vận tải</i> | | | | | |
| 3.1 | Trách nhiệm và quyền hạn của người sử dụng lao động trong kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với việc quản lý giáo dục và nâng cao đạo đức nghề nghiệp của người lái xe ô tô | | | | | |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|----------|---|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| 3.2 | Trách nhiệm và quyền hạn của người lái xe trong kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với việc nâng cao đạo đức nghề nghiệp của người lái xe ô tô | | | | | |
| 4 | <i>Văn hóa giao thông</i> | | | | | |
| 4.1 | Khái niệm về văn hóa giao thông | | | | | |
| 4.2 | Sự cần thiết xây dựng nếp sống văn hóa giao thông | | | | | |
| 4.3 | Các tình huống ứng xử khi tham gia giao thông | | | | | |
| 5 | <i>Phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông</i> | | | | | |
| 5.1 | Tác hại của việc sử dụng rượu, bia | | | | | |
| 5.2 | Các giải pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông | | | | | |
| 6 | <i>Thực hành cấp cứu</i> | | | | | |
| 6.1 | Thực hành các bước sơ cứu ban đầu | | | | | |
| 6.2 | Sự giúp đỡ của người lái xe ô tô khi qua nơi xảy ra tai nạn giao thông đường bộ | | | | | |
| B | Ôn luyện câu hỏi ôn tập | 2 | - | - | 2 | - |
| C | Hướng dẫn trao đổi | 1 | - | - | 1 | - |
| | Kiểm tra điều kiện | 1 | - | - | 1 | - |
| | Phần 2: Kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. | 4 | 3 | 1 | - | - |
| 1 | Khái quát tình hình cháy nổ trong nước và trên địa bàn gần đây. | 0,5 | 0,5 | - | - | - |
| 2 | Kiến thức về các văn bản quy phạm Pháp luật trong PCCC | 0,25 | 0,25 | - | - | - |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|-----------------|--|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| 3 | Tính chất cháy nổ và sự nguy hiểm của các chất cháy nổ thường gặp | 0,5 | 0,5 | - | - | - |
| 4 | Các chất thường được sử dụng để chữa cháy | 0,25 | 0,25 | - | - | - |
| 5 | Các biện pháp phòng cháy, chữa cháy | 0,5 | 0,5 | - | - | - |
| 6 | Quy trình chữa cháy tại một vụ cháy, biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy. | 0,5 | 0,5 | - | - | - |
| 7 | Hướng dẫn cách sử dụng, kiểm tra, bảo quản các phương tiện phòng cháy chữa cháy đơn giản thường được trang bị. | 0,5 | 0,5 | - | - | - |
| 8 | Thực hành chữa cháy bằng bình dập lửa MFZ4 | 1 | - | 1 | - | - |
| Chương 4 | <i>Kiến thức mới về xe nâng hạng</i> | 8 | - | - | 8 | - |
| A | Đọc và tìm hiểu giáo trình | 4 | - | - | 4 | - |
| I | <i>Giới thiệu chung về xe nâng hạng</i> | | | | | |
| 1 | <i>Khái niệm</i> | | | | | |
| 2 | <i>Phân loại</i> | | | | | |
| 3 | <i>Cấu tạo cơ bản của ô tô khách</i> | | | | | |
| 3.1 | Thân xe | | | | | |
| 3.2 | Cửa lên xuống | | | | | |
| 3.3 | Khoang chứa hành lý | | | | | |
| 3.4 | Khoang chứa hành khách | | | | | |
| 3.5 | Khoang người lái | | | | | |
| 3.6 | Khoang động cơ | | | | | |
| II | <i>Kiến thức mới về xe nâng hạng</i> | | | | | |
| 1 | <i>Động cơ ô tô</i> | | | | | |
| 1.1 | Hệ thống nạp khí tăng áp trong động cơ diesel | | | | | |
| 1.2 | Động cơ khí tự nhiên | | | | | |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|-----|---|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| 1.3 | Ô tô điện | | | | | |
| 2 | <i>Hệ thống truyền lực xe ô tô xe ô tô khách động cơ đặt phía sau cầu sau</i> | | | | | |
| 2.1 | Nhiệm vụ | | | | | |
| 2.2 | Cấu tạo | | | | | |
| 2.3 | Ưu, nhược điểm | | | | | |
| 3 | <i>Hệ thống lái</i> | | | | | |
| 3.1 | Hệ thống lái trợ lực thủy lực | | | | | |
| 3.2 | Hệ thống lái trợ lực điện | | | | | |
| 4 | <i>Hệ thống phanh trên xe hiện đại</i> | | | | | |
| 4.1 | Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) | | | | | |
| 4.2 | Hệ thống phanh hỗ trợ khẩn cấp (BA) | | | | | |
| 4.3 | Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EDB) | | | | | |
| 4.4 | Hệ thống ổn định chuyển động xe (ESP hay ESC) | | | | | |
| 4.5 | Hệ thống phanh khẩn cấp tự động (AEB) | | | | | |
| 5 | <i>Hệ thống treo khí nén trên xe ô tô</i> | | | | | |
| 5.1 | <i>Khái niệm</i> | | | | | |
| 5.2 | <i>Cấu tạo</i> | | | | | |
| 5.3 | <i>Nguyên lý hoạt động</i> | | | | | |
| 6 | <i>Hệ thống an toàn chủ động trang bị trên xe ô tô</i> | | | | | |
| 6.1 | Dây đai an toàn | | | | | |
| 6.2 | Hệ thống túi khí (AIR BAG) | | | | | |
| 6.3 | Hệ thống phát hiện điểm mù (BSM) | | | | | |
| 6.4 | Đèn pha chủ động | | | | | |
| 6.5 | Hệ thống cảnh báo chú ý người lái - DAA | | | | | |
| 6.6 | Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LAS) | | | | | |

| TT | Nội dung môn học | Thời gian (giờ) | | | | |
|-----------------|---|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Tự học có hướng dẫn | Kiểm tra |
| 6.7 | Hệ thống giám sát hành trình | | | | | |
| 7 | <i>Hệ thống tự chuẩn đoán trên ô tô và các hư hỏng thông thường</i> | | | | | |
| 7.1 | Hệ thống tự chuẩn đoán trên ô tô | | | | | |
| 7.2 | Hệ thống chuẩn đoán lỗi trên ô tô OBD | | | | | |
| III | <i>Quy trình bảo dưỡng ô tô</i> | | | | | |
| 1 | <i>Khái niệm bảo dưỡng ô tô</i> | | | | | |
| 2 | <i>Các mức bảo dưỡng ô tô</i> | | | | | |
| 3 | <i>Quy trình bảo dưỡng ô tô</i> | | | | | |
| B | Ôn luyện câu hỏi ôn tập | 2 | - | - | 2 | - |
| C | Hướng dẫn, trao đổi | 1 | - | - | 1 | - |
| | Kiểm tra điều kiện | 1 | - | - | 1 | - |
| Chương 5 | Mô phỏng các tình huống giao thông | 2 | - | - | 2 | - |
| A | Đọc và tìm hiểu giáo trình | 1 | - | - | 1 | - |
| 1 | Giao thông trên đường đô thị | | | | | |
| 2 | Giao thông trên đường nông thôn | | | | | |
| 3 | Giao thông trên đường cao tốc | | | | | |
| 4 | Giao thông trên đường núi | | | | | |
| 5 | Giao thông trên đường quốc lộ | | | | | |
| 6 | Các tình huống giao thông đã xảy ra trong thực tế | | | | | |
| B | Ôn luyện câu hỏi ôn tập | 1 | - | - | 1 | - |

Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học 01 được xây dựng trong lịch ôn, kiểm tra kết thúc môn học.

III. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Cơ sở vật chất, đồ dùng và trang thiết bị

- Phòng học lý thuyết

Trang thiết bị làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về các nội dung kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2.2. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

2.2.1. Hệ thống quản lý học tập:

(1) Công thông tin:

- Truy cập vào trang Web của trung tâm <https://daotaosathachlaixequangninh.com>. Công bố, giới thiệu các nội dung về chương trình đào tạo; thông tin tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh.

- Truy cập hệ thống học từ xa, tự học có hướng dẫn với tên miền: <https://hoclythuyet.daotaosathachlaixequangninh.lotuslms.com> để người học tự học có dần dần, tự đánh giá, nắm bắt tiến trình, kết quả học tập của bản thân; Giáo viên quản lý học liệu đào tạo từ xa, thiết lập quy luật học, trả bài, kiểm tra, theo dõi, tương tác, trợ giúp hướng dẫn người học, xác thực và kiểm soát quá trình học của học viên;

(2) Ứng dụng trên các thiết bị di động: Đáp ứng đa nền tảng, chạy trên Website, thiết bị di động.

(3) Phòng học room: Hướng dẫn, trao đổi với học viên, học viên trao đổi với học viên trong đào tạo tự học có hướng dẫn.

2.2.2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

(1) Hệ thống máy chủ: Sử dụng dịch vụ AWS Cloud

- Hạ tầng cơ sở đảm bảo (Backup)

+ Sao lưu đầy đủ (Full Backup): Sao lưu toàn bộ dữ liệu mỗi ngày một lần 01:00 hàng ngày.

+ Sao lưu khác biệt (Differential Backup): Sao lưu những thay đổi kể từ lần sao lưu đầy đủ cuối cùng 30 phút/lần

+ Lưu trữ tại AWS Cloud nhưng ở một vùng máy chủ khác tại Việt Nam để đảm bảo luôn có một hệ thống đảm bảo trong trường hợp hệ thống chính có vấn đề kỹ thuật.

(2) Hệ thống đường truyền: Hệ thống tự điều hướng người dùng đến máy chủ gần nhất để đảm bảo tín hiệu trường truyền tốt nhất

2. Học liệu

1) Các file giáo trình: Pháp luật giao thông đường bộ; Nghiệp vụ vận tải; Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông; Mô phỏng các tình huống giao thông; Kiến thức mới về xe nâng hạng.

2) Giáo trình Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

(Các giáo trình trên do Trung tâm biên soạn và ban hành)

3) File Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo Thông tư 41/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải “Quy định về xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ”

4) Tài liệu 600 câu hỏi dùng cho sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ - Cục đường bộ Việt Nam

5) Phần mềm ôn luyện 600 câu hỏi luật giao thông đường bộ - Cục đường bộ Việt Nam.

6) Phần mềm ôn luyện 120 tình huống mô phỏng các tình huống mất an toàn khi tham gia giao thông đường bộ.

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng chương trình

Chương trình áp dụng đối với học viên học nghề nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng C lên D.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy

2.1. Giảng dạy theo hình thức trực tiếp (đối với nội dung Kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ)

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Khi giảng dạy cần giúp cho người học thực hiện các thao tác, tư thế của từng kỹ năng chính xác, nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí của từng bài.

- Các bài lý thuyết cần thiết phải có mô hình, vật thật hoặc tranh ảnh, phim hình minh họa để làm rõ nội dung của bài học.

- Các nội dung lý thuyết liên quan đến các thao tác trên máy tính nên phân tích, giải thích.

- Để giúp cho người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết sau mỗi bài học phải giao bài tập cụ thể đến từng người học. Các bài tập chỉ cần ở mức độ trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Các điểm kiểm tra và đánh giá kết quả phải công bố công khai.

- Tăng cường sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học tiên tiến để tăng hiệu quả dạy học và trình diễn các thao tác mẫu.

2.2. Giảng dạy theo hình thức từ xa, tự học có hướng dẫn (đối với các nội dung: Pháp luật giao thông đường bộ; Nghiệp vụ vận tải; Kiến thức mới về xe nâng hạng; Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông; Mô phỏng các tình huống giao thông).

- Giáo viên hướng dẫn quy luật học, trả bài, kiểm tra. Theo dõi, tương tác, trợ giúp, hướng dẫn, đôn đốc người học hoàn thành nội dung kiến thức; xác thực và kiểm soát quá trình học của học viên; quản lý học viên, lớp học.

3. Những trọng tâm cần chú ý trong chương trình

- Nội dung Pháp luật giao thông đường bộ:

+ Quy tắc giao thông đường bộ;

- + Hệ thống biển báo hiệu;
- + Xử lý các tình huống giao thông.
- Nghiệp vụ vận tải:
 - + Quy định của pháp luật về vận tải đường bộ;
 - + Nhiệm vụ của người lái xe trong quy trình đảm bảo an toàn giao thông; xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu thông thường xảy ra đối với hành khách khi đang lưu thông trên đường.
 - Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông; Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:
 - + Đạo đức nghề nghiệp của người lái xe, trách nhiệm của người sử dụng lao động trong kinh doanh vận tải.
 - + Ứng xử văn hóa khi tham gia giao thông và cách phòng chống tác hại rượu bia khi tham gia giao thông; kỹ năng cơ bản sơ, cấp cứu khi gặp nạn.
 - + Kỹ năng ứng phó khi gặp các trường hợp cháy nổ trong quá trình điều khiển vận hành phương tiện
 - Kiến thức mới về xe nâng hạng:
 - + Cấu tạo cơ bản của xe ô tô khách hạng D;
 - + Động cơ ô tô, một số hệ thống trên xe ô tô: hệ thống lái, hệ thống phanh trên xe hiện đại, hệ thống an toàn chủ động trên xe ô tô
 - + Quy trình bảo dưỡng ô tô.
 - Mô phỏng các tình huống giao thông
 - + Phân tích được các giai đoạn xảy ra trong một tình huống giao thông: (1) Giai đoạn bắt đầu tình huống; (2) Các dấu hiệu chuẩn bị xuất hiện tình huống; (3) Diễn biến của tình huống; (4) Kết thúc tình huống.
- + Nhận biết và xác định các tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

V. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Người học thực hiện bài kiểm tra kết thúc mô đun bằng hình thức trắc nghiệm trên phần mềm trên phần mềm theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; nghiệp vụ vận tải; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia và phòng chống cháy nổ, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông) và kiểm tra mô phỏng tình huống giao thông trên máy tính

VI. TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO

1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng bộ Giao thông vận tải “Quy định về đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ”, được sửa đổi bổ sung bằng các Thông tư: 38/2019/TT-BGTVT ngày

08/10/2019; 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021; 04/2022/TT-BGTVT ngày 15/4/2022; 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024.

2. Giáo trình Pháp luật giao thông đường bộ - Dùng cho các lớp đào tạo lái xe, Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn.

3. Giáo trình Nghiệp vụ vận tải - Dùng cho các lớp đào tạo lái xe, Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn.

4. Giáo trình Đạo đức văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông; kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Dùng cho các lớp đào tạo lái xe, Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn.

5. Giáo trình Kiến thức mới về xe nâng hạng – Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn.

6. Tài liệu 600 câu hỏi dùng cho sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ - NXB Bộ Giao thông vận tải-Năm

7. Phần mềm ôn luyện luật giao thông đường bộ.

8. Giáo trình mô phỏng các tình huống giao thông – Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn.

9. Phần mềm mô phỏng ôn luyện 120 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn khi tham gia giao thông.

10. Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo Thông tư 41/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải “Quy định về xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN
TẬP LÁI XE TRÊN SÂN TẬP LÁI VÀ CABIN ĐIỆN TỬ
(ÁP DỤNG CHO 01 HỌC VIÊN)

*(Kèm theo chương trình đào tạo nâng hạng
giấy phép lái xe hạng C lên D – Chương trình 2)*

Mã số mô đun: MĐ01

Thời gian mô đun: 10 giờ (Lý thuyết: 01 giờ; Thực hành: 09 giờ).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔ ĐUN

- Là mô đun được thực hiện sau khi người học đã học xong các môn học kiến thức nghề lái xe ô tô. Mô đun trang bị cho người học các kỹ năng lái xe ô tô hạng D qua các bài tập thực hành lái xe trong hình và tiến lùi chữ chi.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

1. Kiến thức

Nắm vững phương pháp lái xe các bài thực hành lái xe trong hình và trên Cabin điện tử.

2. Kỹ năng

Điều khiển được phương tiện cơ giới đường bộ hạng D qua các bài lái xe trong hình và tiến lùi chữ chi đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Rèn luyện tác phong công nghiệp, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi tham gia giao thông.

III. NỘI DUNG VÀ PHÂN PHỐI THỜI GIAN

| TT | Nội dung mô đun | Thời gian (giờ) | | | |
|--------------|---|-----------------|-----------|-----------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| MĐ 01 | Tập lái xe trên sân tập lái và Cabin điện tử | 8 | 1 | 7 | |
| | Phần 1: Tập lái xe trên sân tập lái | 8 | 1 | 7 | |
| 1 | Tập lái xe trong bãi phẳng | 0,5 | 0 | 0,5 | |
| 2 | Tập lái xe trên đường bằng | 0,5 | 0 | 0,5 | |
| 3 | Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép | 1 | 0,25 | 0,75 | |
| 4 | Tập lái xe trong hình chữ chi | 2 | 0,25 | 1,75 | |
| 1 | Lái xe tổng hợp | 3 | 0,5 | 2,5 | |
| | Phần 2: Tập lái xe trên Cabin điện tử | 1 | | 1 | |
| 1 | Tập lái trên ca bin học lái xe ô tô | 1 | | 1 | |

Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc mô đun 01 được xây dựng trong lịch ôn, kiểm tra kết thúc mô đun.

III. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Cơ sở vật chất, đồ dùng và trang thiết bị

- Phòng học;
- Máy tính, máy projector, máy in;
- Các clip và slide ảnh phục vụ thực hành;
- Sân tập lái (theo quy định);
- Xe ô tô tập lái hạng D (đảm bảo an toàn kỹ thuật);
- Kịch, gỗ kê, đồ nghề theo xe;
- Cabin điện tử (đảm bảo đúng quy chuẩn, kỹ thuật)

2. Học liệu

- Giáo trình thực hành lái xe, Trung tâm sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn.
- Bảng trình tự, bảng sai phạm thường gặp đối với từng nội dung giảng dạy.

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Chương trình áp dụng đối với học viên học nghề lái xe ô tô nâng hạng giấy phép lái xe hạng C lên D.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Khi giảng dạy cần giúp cho người học thực hiện các thao tác, kỹ năng chính xác, nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí của từng bài.
- Đề giúp cho người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết sau mỗi bài học phải giao bài tập cụ thể đến từng người học. Các điểm kiểm tra và đánh giá kết quả phải công bố công khai.
- Tăng cường sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học tiên tiến để tăng hiệu quả dạy học và trình diễn các thao tác mẫu.

3. Những trọng tâm cần chú ý trong chương trình

- Tập lái xe trong bãi phẳng;
- Bài tập lái xe trên đường bằng;
- Tập lái xe tiến lùi theo hình chi;
- Bài tập trên Cabin điện tử;

- Lái xe tổng hợp

V. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Người học thực hiện bài kiểm tra kết thúc mô đun trên xe tập lái với nội dung lái xe trong hình, tiến lùi chữ chi.

VI. TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO

1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng bộ Giao thông vận tải “Quy định về đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ”, được sửa đổi bổ sung bằng các Thông tư: 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019; 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021; 04/2022/TT-BGTVT ngày 15/4/2022; 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024.

2. Giáo trình thực hành lái xe – Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn;

3. Giáo trình kỹ thuật lái xe – Tổng Cục đường bộ Việt Nam năm 2020;

4. Tài liệu Phương pháp sư phạm, phương pháp hướng dẫn thực hành lái xe ô tô và phương pháp bảo hiểm tay lái trong dạy thực hành lái xe ô tô - Tổng Cục đường bộ Việt Nam năm 2017;

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN
TẬP LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG
(ÁP DỤNG CHO 01 HỌC VIÊN)

*(Kèm theo chương trình đào tạo nâng hạng
giấy phép lái xe hạng C lên D – Chương trình 2)*

Mã số mô đun: MĐ02

Thời gian mô đun: 10 giờ (Lý thuyết: 01 giờ; Thực hành: 09 giờ).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔ ĐUN

- Là mô đun chuyên môn nghề được thực hiện sau khi người học đã học xong các môn học kiến thức nghề lái xe. Mô đun trang bị cho người học các kỹ năng lái xe ô tô hạng D trên đường giao thông.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

1. Kiến thức

Nắm vững phương pháp lái xe trên các loại đường, trong các điều kiện thời tiết khác nhau.

2. Kỹ năng

Điều khiển được phương tiện cơ giới đường bộ hạng D tham gia giao thông đảm bảo an toàn, hiệu quả trên các loại địa hình, trong điều kiện thời tiết khác nhau. Chủ động, quan sát, phán đoán, xử lý tốt các tình huống giao thông để phòng tránh tai nạn.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Rèn luyện tác phong công nghiệp, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi tham gia giao thông.

III. NỘI DUNG VÀ PHÂN PHỐI THỜI GIAN

| TT | Nội dung mô đun | Thời gian (giờ) | | | |
|-------------|---|-----------------|-----------|-----------|----------|
| | | Tổng số giờ | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| MĐ02 | Tập lái xe trên đường giao thông | 10 | 01 | 09 | |
| 1 | Tập lái trên đường đèo núi | 4 | 0,25 | 3,75 | |
| 2 | Tập lái xe trên đường phức tạp | 2 | 0,25 | 1,75 | |
| 3 | Tập lái ban đêm | 2 | 0,25 | 1,75 | |
| 4 | Tập lái xe có tải | 2 | 0,25 | 1,75 | |

Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc mô đun 02 được xây dựng trong lịch ôn, kiểm tra kết thúc mô đun.

III. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Cơ sở vật chất, đồ dùng và trang thiết bị

- Phòng học;
- Máy tính, máy projector, máy in;
- Các clip và slide ảnh phục vụ thực hành;
- Xe ô tô tập lái hạng D (đảm bảo an toàn kỹ thuật);
- Kịch, gỗ kê, đồ nghề theo xe;
- Các tuyến đường tập lái (theo giấy phép xe tập lái).

2. Học liệu

- Giáo trình thực hành lái xe, Trung tâm sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn.
- Bảng trình tự, bảng sai phạm thường gặp đối với từng nội dung giảng dạy.

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Chương trình áp dụng đối với học viên học nghề lái xe ô tô nâng hạng giấy phép lái xe hạng C lên D.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Khi giảng dạy cần giúp cho người học thực hiện các thao tác, kỹ năng chính xác, nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí của từng bài.
- Để giúp cho người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết sau mỗi bài học phải giao bài tập cụ thể đến từng người học. Các điểm kiểm tra và đánh giá kết quả phải công bố công khai.
- Tăng cường sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học tiên tiến để tăng hiệu quả dạy học và trình diễn các thao tác mẫu.

3. Những trọng tâm cần chú ý trong chương trình

- Tập lái xe trên đường đèo núi, trung du;
- Tập lái xe trên đường phức tạp;
- Tập lái xe ban đêm
- Tập lái xe chở có tải;

V. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Người học thực hiện bài kiểm tra kết thúc mô đun trên xe tập lái với nội dung lái xe trên đường giao thông.

VI. TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO

1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng bộ Giao thông vận tải “Quy định về đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ”, được sửa đổi bổ sung bằng các Thông tư: 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019; 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021; 04/2022/TT-BGTVT ngày 15/4/2022; 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024.

2. Giáo trình thực hành lái xe – Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh biên soạn;

3. Giáo trình kỹ thuật lái xe – Tổng Cục đường bộ Việt Nam năm 2020;

4. Tài liệu Phương pháp sư phạm, phương pháp hướng dẫn thực hành lái xe ô tô và phương pháp bảo hiểm tay lái trong dạy thực hành lái xe ô tô - Tổng Cục đường bộ Việt Nam năm 2017.